

Họ, tên thí sinh:

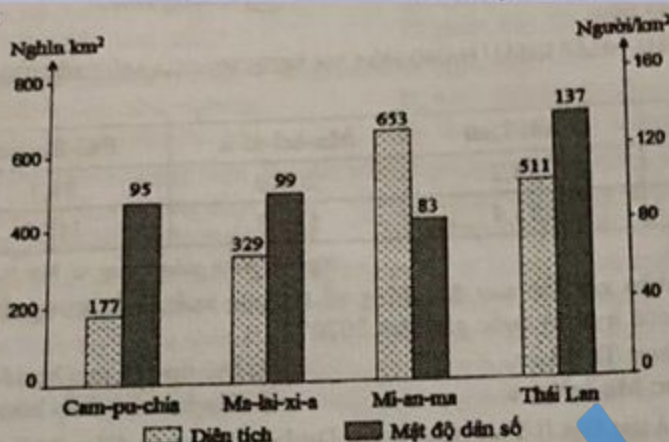
Số báo danh:

Mã đề thi 315

Câu 41: Tiềm năng để phát triển nhiệt điện ở nước ta là

- A. sức gió. B. thác nước. C. thủy triều. D. dầu khí.

Câu 42: Cho biểu đồ:



DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2020
(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về số dân của một số quốc gia năm 2020?

- A. Mi-an-ma gấp hơn hai lần Ma-lai-xi-a. B. Cam-pu-chia lớn hơn Ma-lai-xi-a.
C. Thái Lan gấp hơn bốn lần Cam-pu-chia. D. Mi-an-ma lớn hơn Thái Lan.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, vùng Tây Nguyên, cho biết sân bay Pleiku thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Gia Lai. B. Lâm Đồng. C. Đắk Lắk. D. Kon Tum.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết trung tâm nào sau đây có ngành công nghiệp chế biến lương thực và chế biến thủy hải sản?

- A. Phan Thiết. B. Tân An. C. Cà Mau. D. Sóc Trăng.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết trung tâm kinh tế nào có quy mô GDP lớn nhất trong các trung tâm sau đây?

- A. Nam Định. B. Hải Phòng. C. Huế. D. Vinh.

Câu 46: Bón phân hữu cơ cho đất trồng ở đồng bằng nước ta là biện pháp để

- A. ngăn ngập lụt. B. chống xói mòn. C. tăng độ phì. D. chống ô nhiễm.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết tỉnh nào sau đây có công nghiệp khai thác sắt?

- A. Lai Châu. B. Yên Bái. C. Bắc Kạn. D. Tuyên Quang.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết vào tháng VIII, trạm khí tượng nào có lượng mưa cao nhất trong các trạm sau đây?

- A. Đà Nẵng. B. Điện Biên Phủ. C. Nha Trang. D. Đà Lạt.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết tỉnh nào trồng nhiều hồ tiêu trong các tỉnh sau đây?

- A. Hậu Giang. B. Cà Mau. C. Tây Ninh. D. Bạc Liêu.

Câu 50: Công nghiệp ở vùng núi nước ta phát triển

- A. còn chậm. B. rất đa dạng. C. rất nhanh. D. tập trung cao.

- Câu 51: Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở vùng ven biển nước ta khi có bão?
☐ A. Lũ nguồn. ☐ B. Ngập mặn. ☐ C. Sóng thần. ☒ D. Lũ quét.
- Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông nào sau đây chảy theo hướng tây bắc - đông nam?
☒ A. Sông Hậu. ☐ B. Sông Krông Knô. ☐ C. Sông Krông Ana. ☐ D. Sông Ia Lốp.
- Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết núi nào sau đây ở phía nam núi Phu Pha Phong?
☐ A. Phu Luông. ☐ B. Tân Viên. ☒ C. Chí Linh. ☐ D. Pha Luông.

- Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết cảng Nhật Lệ thuộc tỉnh nào sau đây?
☐ A. Hà Tĩnh. ☐ B. Quảng Trị. ☒ C. Quảng Bình. ☐ D. Thanh Hóa.

Câu 55: Cho bảng số liệu:
 XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2020
 (Đơn vị: Tỷ đô la Mỹ)

Quốc gia	Thái Lan	Ma-lai-xi-a	Phi-lip-pin	Mi-an-ma
Xuất khẩu	258,2	207,0	91,1	22,6
Nhập khẩu	233,4	185,3	119,2	20,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về tỉ trọng xuất khẩu trong tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của một số quốc gia năm 2020?

- ☐ A. Mi-an-ma thấp hơn Thái Lan.
☒ B. Phi-lip-pin cao hơn Mi-an-ma.
☐ C. Thái Lan cao hơn Ma-lai-xi-a.
☐ D. Ma-lai-xi-a thấp hơn Phi-lip-pin.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết điểm du lịch nào sau đây thuộc trung tâm du lịch Đà Nẵng?

- ☐ A. Sa Huỳnh. ☐ B. Đại Lãnh. ☒ C. Non Nước. ☐ D. Mũi Né.

Câu 57: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết tuyến đường sắt từ Hà Nội nối với cửa khẩu quốc tế nào sau đây?

- ☐ A. Na Mèo. ☐ B. Tây Trang. ☒ C. Lào Cai. ☐ D. Cầu Treo.

Câu 58: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây có cả đường bờ biển và biên giới quốc gia?

- ☐ A. Phú Yên. ☐ B. Quảng Ngãi. ☐ C. Bình Định. ☒ D. Quảng Nam.

Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào có quy mô dân số lớn nhất trong các đô thị sau đây?

- ☒ A. Long Xuyên. ☐ B. Hà Tiên. ☐ C. Bạc Liêu. ☐ D. Vị Thanh.

Câu 60: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết trung tâm nào sau đây có ngành công nghiệp luyện kim đen và luyện kim màu?

- ☐ A. Cần Thơ. ☐ B. Vũng Tàu. ☐ C. Hải Phòng. ☒ D. Thái Nguyên.

Câu 61: Vấn đề cần quan tâm trong phát triển trồng trọt ở Đông Nam Bộ là

- ☐ A. rét hại. ☐ B. động đất. ☒ C. thủy lợi. ☐ D. sương muối.

Câu 62: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào trồng nhiều chè trong các tỉnh sau đây?

- ☐ A. Vĩnh Long. ☒ B. Hà Giang. ☐ C. Bình Định. ☐ D. Quảng Bình.

Câu 63: Chăn nuôi gia súc ăn cỏ ở nước ta hiện nay

- ☐ A. có hầu hết sản phẩm để xuất khẩu.
☒ B. chủ yếu dựa vào thức ăn tự nhiên.
☐ C. hoàn toàn nhằm mục đích lấy sữa.
☐ D. phân bố tập trung ở ven các đô thị.

Câu 64: Vận chuyển bằng đường ống nước ta hiện nay

- ☐ A. chỉ dùng để vận chuyển khí tự nhiên.
☒ B. có nhiều tuyến nối liền với các nước.
☐ C. gắn với phát triển của ngành dầu khí.
☐ D. phân bố đều khắp ở các vùng kinh tế.

Câu 65: Hoạt động thăm dò dầu khí ở nước ta hiện nay

- ☐ A. chỉ tập trung ở thềm lục địa phía bắc.
☒ B. thúc đẩy việc tìm kiếm các mỏ mới.
☐ C. hình thành các nhà máy lọc hóa dầu.
☐ D. phục vụ hoạt động xuất khẩu dầu thô.

Câu 66: Nước ta tiếp giáp với Biển Đông nên có

- A. gió Mậu dịch thổi quanh năm.
C. lượng mưa phân bố theo mùa.

- B. thảm thực vật giàu sức sống.
D. các dãy núi hướng vòng cung.

Câu 67: Cơ cấu lao động theo ngành kinh tế nước ta hiện nay có nhiều thay đổi chủ yếu do

- A. thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa.
C. hội nhập kinh tế toàn cầu sâu rộng.

- B. tăng cường mở rộng các thành phố.
D. phát triển kinh tế nhiều thành phần.

Câu 68: Tỷ lệ dân thành thị nước ta hiện nay

- A. không có sự thay đổi qua các năm.
C. lớn hơn rất nhiều so với nông thôn.

- B. gia tăng đều nhau ở khắp các vùng.
D. còn thấp so với thế giới và khu vực.

Câu 69: Hoạt động nuôi trồng thủy sản ở nước ta hiện nay

- A. phát triển rộng rãi ở nhiều vùng.
C. tập trung hầu hết ở các đầm phá.

- B. chỉ tạo sản phẩm cho xuất khẩu.
D. phần lớn đầu tư nuôi cá nước lợ.

Câu 70: Chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế nước ta hiện nay

- A. chỉ tập trung ở lĩnh vực công nghiệp.
C. tương ứng với quá trình hiện đại hóa.

- B. hình thành nên khu kinh tế ven biển.
D. làm gia tăng tỉ trọng kinh tế tư nhân.

Câu 71: Giải pháp chủ yếu sử dụng hiệu quả đất nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. đẩy mạnh cơ giới hóa, mở rộng diện tích.
C. quy hoạch, đẩy mạnh nông sản xuất khẩu.

- B. bố trí cây trồng hợp lí, phát triển thủy lợi.
D. tăng vụ, phát triển lợi thế của các khu vực.

Câu 72: Ý nghĩa chủ yếu của phát triển đa dạng cây trồng ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. nâng cao đời sống, đáp ứng nhu cầu thị trường, phát huy các thế mạnh.
B. thay đổi cơ cấu kinh tế, tạo ra nhiều việc làm, khai thác các tiềm năng.
C. tạo nông sản phong phú, đẩy mạnh xuất khẩu, sử dụng hợp lí tự nhiên.
D. thúc đẩy sản xuất, khai thác sự phân hóa thiên nhiên, giảm thiểu rủi ro.

Câu 73: Trị giá nhập khẩu của nước ta hiện nay có nhiều thay đổi chủ yếu do

- A. công nghiệp đa dạng, giao thông phát triển.
C. dân số tăng, các đô thị ngày càng mở rộng.

- B. thị trường mở rộng, hội nhập toàn cầu sâu.
D. sản xuất tăng trưởng, chất lượng sống tăng.

Câu 74: Giải pháp chủ yếu phát triển cây thực phẩm ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. thúc đẩy chuyên canh, tăng cường cơ giới hóa.
C. sử dụng các giống tốt, nâng trình độ lao động.

- B. đa dạng nông sản, ứng dụng tiến bộ khoa học.
D. sản xuất thâm canh, gắn với thị trường tiêu thụ.

Câu 75: Ý nghĩa chủ yếu của việc bảo vệ rừng đặc dụng ở Tây Nguyên là

- A. giữ gìn cảnh quan, bảo vệ đa dạng sinh học.
C. bảo vệ động vật hoang dã, tăng độ che phủ.

- B. chống xói mòn, bảo đảm cân bằng sinh thái.
D. tăng nguồn nước ngầm, góp phần chống lũ.

Câu 76: Cho bảng số liệu:

SỐ LƯỢT HÀNH KHÁCH LUÂN CHUYỂN BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

(Đơn vị: Triệu lượt người.km)

Năm	2015	2018	2019	2020
Trong nước	14 271,1	34 189,2	36 379,3	25 781,4
Quốc tế	27 797,3	33 666,8	41 023,5	8 343,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự thay đổi cơ cấu số lượt hành khách luân chuyển bằng đường hàng không nước ta giai đoạn 2015 - 2020, các dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp?

- A. Miền, cột, tròn. B. Tròn, đường, miền. C. Cột, đường, miền. D. Đường, tròn, cột.

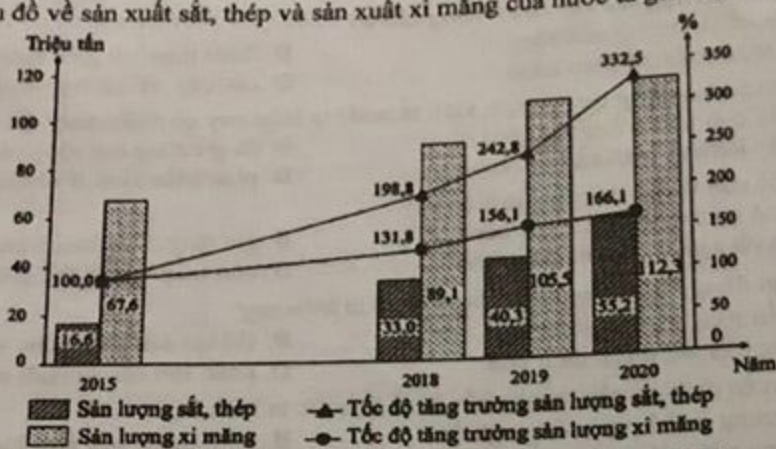
Câu 77: Vùng Tây Nguyên có thời gian bắt đầu mùa mưa và mùa khô khác với vùng Nam Trung Bộ chủ yếu do tác động của

- A. gió Tây, dãy núi Trường Sơn Nam, gió mùa Tây Nam, dải hội tụ nhiệt đới.
B. gió đông bắc, địa hình, khối khí nóng ẩm từ Bắc Ấn Độ Dương, vị trí địa lí.
C. Tín phong bán cầu Bắc, vị trí địa lí, gió phơn Tây Nam, dải hội tụ nhiệt đới.
D. gió mùa Tây Nam, gió mùa Đông Bắc, hướng của dãy núi Trường Sơn, bão.

Câu 78: Ý nghĩa chủ yếu của các khu kinh tế ven biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. mở rộng thương mại, khai thác các nguồn lực. B. hình thành đô thị, giải quyết vấn đề việc làm.
C. phát triển sản xuất, thay đổi bộ mặt của vùng. D. thu hút đầu tư, tạo nguồn sản phẩm xuất khẩu.

Câu 79: Cho biểu đồ về sản xuất sắt, thép và sản xuất xi măng của nước ta giai đoạn 2015 - 2020:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô và tốc độ tăng trưởng sản lượng.
 B. Tình hình phát triển và cơ cấu sản lượng.
 C. Tốc độ tăng trưởng và cơ cấu sản lượng.
 D. Cơ cấu và sự thay đổi cơ cấu sản lượng.

Câu 80: Việc hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Bắc Trung Bộ nhằm mục đích chủ yếu là

- A. đa dạng nông sản, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng cường sản xuất lớn.
 B. giải quyết việc làm, tăng sản phẩm hàng hóa, sử dụng hợp lý tài nguyên.
 C. mở rộng phân bố sản xuất, tạo mô hình kinh tế mới, bảo vệ môi trường.
 D. khai thác thế mạnh, đẩy mạnh xuất khẩu, đa dạng hóa kinh tế nông thôn.

HẾT

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam.
 - Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.